TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10-7-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Phượng

Bà Trần Thị Thanh Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2025/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm G, sinh năm 2000; địa chỉ: C Ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (Nay là 303 Ấp C, xã T, thành phố Cần Thơ) (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng P, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Nay là Ấp A, xã L, thành phố Cần Thơ). (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C1; Địa chỉ: A Phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. (Nay là A Phố L, Phường Đ, thành phố Hà Nội).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Quốc K, Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1; Địa chỉ: Ấp C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Nay là Ấp C, xã L, thành phố Cần Thơ). (Theo Quyết định số 7300/QĐ-NHCSXH ngày 19/9/2019) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm G trình bày:

Bà Nguyễn Thị Cẩm G và ông Trần Hoàng P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận kết hôn số 102, ngày 15/11/2018. Sau khi kết hôn bà G và ông P chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà và ông P đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian chung sống bà G và ông P có một (01) người con chung là cháu Trần Nguyễn Trâm A, sinh ngày: 16/12/2018. Về tài sản chung bà G và ông P không có. Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, hiện đã trả được 5.000.000 (Năm triệu) đồng, còn nợ lại: 25.000.000 (Hai mươi lăm triệu) đồng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Cẩm G thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ giải quyết: Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng P. Về con chung: Bà G yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trần Nguyễn Trâm A đến khi thành niên và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà G không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Hoàng P trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian chung sống, địa điểm đăng ký kết hôn. Ông và bà Nguyễn Thị Cẩm G có một (01) người con chung là cháu Trần Nguyễn Trâm A, sinh ngày: 16/12/2018. Về tài sản chung ông và bà G không có tạo lập được. Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1 số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà G thì ông không đồng ý ly hôn. Về con chung: Ông đồng ý giao cháu Trâm A cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại công văn số 124/CV – NHCS ngày 21/5/2025 của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C1, Ngân hàng C1 trình bày: "Căn cứ hồ sơ vay vốn của ông Trần Hoàng P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Cẩm G đang còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội tính đến ngày 21/5/2025 với chương trình hộ cận nghèo số tiền 25.000.000 đồng, ngày vay 07/4/2025, đến hạn 07/4/2028. Sổ dư tiền gửi tổ viên Tổ tiết kiệm và vay vốn 4.262.396 đồng. Do khách hàng Trần Hoàng P thực hiện đóng lãi hàng tháng và trả nợ gốc theo phân kỳ đúng quy định và khoản vay chưa đến hạn trả nợ cuối cùng nên Ngân hàng C1 chưa yêu cầu trả nợ tại thời điểm này. Sẽ tiếp tục theo dõi khoản vay cho đến hạn trả nợ cuối cùng, trường hợp khi hết hạn mà khách hàng chưa trả hết nợ thì ngân hàng C1 sẽ yêu cầu".

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ khoản 2, Điều 227, Điều 235, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Ngân hàng C1.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm G xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể về nợ chung: Bà G không yêu cầu Tòa án xem xét. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà G không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2018, bà G và ông P sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Cần Thơ). Xét thấy, việc chung sống của ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Tại phiên tòa, ông P không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải hàn gắn mâu thuẫn giữa hai bên, nhưng bà G vẫn kiên quyết ly hôn vì cho rằng ông P không quan tâm chăm sóc gia đình. Nhận thấy, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận cho bà G được ly hôn với ông P.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Cẩm G và ông Trần Hoàng P có một (01) người con chung là cháu Trần Nguyễn Trâm A.

Xét thấy: Kể từ khi ly thân đến nay, cháu Trâm A đều do bà G chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu. Tại phiên tòa ông Trần Hoàng P cũng thống nhất giao cháu Trâm A cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, nhằm đảm bảo cho sự phát triển và ổn định của cháu, HĐXX quyết định giao cháu Trâm A cho bà G tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Thị Cẩm G không yêu cầu ông Trần Hoàng P cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm G và ông Trần Hoàng P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm G xác định không yêu cầu và Ngân hàng C1 có văn bản yêu cầu Tòa án không giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Cẩm G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ông Trần Hoàng P không phải chịu án phí.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 228, Điều 235; Điều 244; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm G được ly hôn với ông Trần Hoàng P.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Trâm A, sinh ngày: 16/12/2018 cho bà Nguyễn Thị Cẩm G tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông Trần Hoàng P không cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Trần Hoàng P mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm G và ông Trần Hoàng P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm G xác định không yêu cầu và Ngân hàng C1 có văn bản yêu cầu Tòa án không giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm G có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà G đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009309 ngày 02/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Cần Thơ). Bà G đã nộp xong án phí. Ông Trần Hoàng P không phải chịu án phí.

6/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 9 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Long Phú, thành phố Cần Thơ.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Triều Vũ Hà